TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/HS-ST
Ngày: 08-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nở.

2. Bà Võ Thị Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo sự phân công của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Mạnh Quang và ông Vũ Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 363/2022/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2476/2022/QĐXXST-HS, ngày 23/6/2022 đối với bị cáo:

Đoàn Đức A, sinh ngày 21/10/1964 tại Đ; Giới tính: nam; Nơi đăng ký HKTT tại số B đường P, phường H, quận C, Thành phố Đ; Chỗ ở trước khi bị bắt truy nã tại Tổ S, Khu phố H, Phường B, thị xã L, tỉnh G; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Giám đốc Công ty Anh D; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Đoàn Khắc A và bà Phùng Thị B; sống chung như vợ chồng với Phan Thị C và có 03 con; sống chung như vợ chồng với Phạm Thị Cẩm D và có 1 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 02/11/2021 đến nay, có mặt.

Người bào chữa: Ông Nguyễn Bá H, là Luật sư của Công ty Luật TNHH T, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đoàn Đức A, có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1994, Phạm Ngọc D thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Thương mại Anh D (gọi tắt là Công ty Anh D) theo Giấy phép số

506/GP-UB ngày 28/4/1994 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 600 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh là mua, bán buôn, bán lẻ, đại lý ký gửi hàng hóa trong nước, trụ sở giao dịch tại số 337 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/01/1996, Công ty Anh D thay đổi trụ sở giao dịch sang số 364 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/3/1996, Công ty Anh D đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh: Mua bán xe ô tô, xe gắn máy, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, xây dựng dân dụng và công nghiệp, vận tải hàng hóa trong nước, dịch vụ sửa chữa, tân trang xe các loại; vốn điều lệ tăng 2,4 tỷ đồng.

Ngày 21/10/1996, Công ty Anh D được Bộ Giao thông Vận tải cấp Giấy phép số 020/GP bổ sung chức năng kinh doanh: Lắp ráp tổng thành xe ô tô theo thiết kế, thay đổi tổng thành xe ô tô các loại... Cùng với hoạt động của Công ty Anh D, Phạm Ngọc D thành lập Công ty TNHH Anh D 2, theo Giấy phép số 001027/GP ngày 18/5/1995 của UBND tỉnh Bình Thuận; trụ sở chính tại số 78 Trần Hưng Đạo, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận với ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ vận tải công cộng; mua bán, trao đổi xe ô tô, xe cơ giới hạng nặng, nhẹ và các loại xe chuyên dùng...

Do nắm được nhu cầu thị trường xe ô tô du lịch nguyên chiếc từ 04 chỗ ngồi đến 15 chỗ ngồi trong nước (là loại hàng có thuế suất cao và phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt) có sự chênh lệch về thuế nhập khẩu so với xe vận tải nhẹ, động cơ ô tô đã qua sử dụng, khung gầm ô tô đã qua sử dụng nên Phạm Ngọc D đã liên hệ với một số đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore để mua ô tô du lịch nguyên chiếc từ 04 chỗ đến 15 chỗ ngồi, rồi tháo rời một số bộ phận, khai báo tờ khai hải quan là xe vận tải nhẹ, động cơ ô tô và khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng để nhập khẩu về Việt Nam bán thu lợi bất chính.

Do Công ty Anh D không có chức năng nhập khẩu, để nhập được hàng về Việt Nam, nên Phạm Ngọc D đã liên hệ với một số doanh nghiệp Nhà nước có chức năng xuất nhập khẩu với thỏa thuận: Doanh nghiệp Nhà nước ký Hợp đồng ngoại (Hợp đồng nhập khẩu) với đối tác của Phạm Ngọc D, tiếp đó doanh nghiệp Nhà nước sẽ ký Hợp đồng nhập khẩu ủy thác với các Công ty của Phạm Ngọc D để hưởng "hoa hồng". Khi hàng nhập về Việt Nam, Phạm Ngọc D chỉ đạo nhân viên tráo xe ô tô du lịch, thay bằng hàng khung gầm có động cơ ô tô đã qua sử dụng, khung gầm xe bus đã qua sử dụng, xe tải nhẹ... Đồng thời, Phạm Ngọc D hối lộ cho cán bộ Hải quan để không kiểm tra chặt chẽ hàng nhập, rồi thông qua doanh nghiệp có chức năng lắp ráp xe ô tô trong nước, mua hồ sơ sửa chữa, hoán cải, hợp thức hóa nguồn gốc hàng nhập, nhưng thực chất là bán xe du lịch nguyên chiếc cho khách hàng để thu lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 2654/HSST ngày 20/10/2000 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Bản án số 2654) xác định: Từ tháng 4/1994 đến tháng 11/1996, thông qua 04 doanh nghiệp Nhà nước, gồm: Công ty Vật tư Tổng Hợp tỉnh Phú Yên (gọi tắt là Công ty M); Công ty Sản xuất nông thủy sản, xuất nhập khẩu Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (gọi tắt là Công ty L); Công ty Xuất

nhập khẩu Côn Sơn, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (gọi tắt là Công ty Cosimex); Công ty Nông súc sản xuất nhập khẩu Cần Thơ (gọi tắt là Công ty Cataco), Phạm Ngọc D đã nhập 161 xe ô tô du lịch từ 04 đến 15 chỗ ngồi được khai báo hải quan là xe tải nhẹ, khung gầm xe bus 24 chỗ ngồi, khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng, với tổng giá trị là 20.559.386.250 đồng. Sau đó, Phạm Ngọc D mua hồ sơ lắp ráp của 03 doanh nghiệp ở trong nước có chức năng lắp ráp xe ô tô, gồm: Nhà máy ô tô 1/5 Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Việt A, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp tác xã sửa chữa xe hơi 23/9, Thành phố Hồ Chí Minh hợp thức hồ sơ đăng ký lưu hành, đê bán cho người sử dụng. Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định trị giá hàng nhập lậu được tính bằng 70% giá trị xe mới là: **20.559.386.250 đồng x 70% = 14.391.570.375 đồng.**

Giúp sức cho Phạm Ngọc D thực hiện hành vi buôn lậu và đưa hối lộ còn có một số nhân viên Công ty Anh D tham gia, gồm: (1) Nguyễn Trọng E, (2) Nguyễn F, (3) Nguyễn Duy G, (4) Lê Văn H, (5) Nguyễn Thị Quế I, (6) Vương Tấn D, (7) Văn Tấn J, (8) Lê Thị K. Số nhân viên này đều đã bị Cơ quan ANĐT Bộ Công an khởi tố, điều tra, bị VKSND tối cao truy tố về tội "Buôn lậu", tội "Đưa hối lộ" và đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trong Bản án số 2654 nêu trên.

Đối với Đoàn Đức A làm nhân viên Công ty Anh D từ tháng 6/1994, sau đó được Phạm Ngọc D bổ nhiệm làm Trưởng phòng Kinh doanh, Phó Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; từ tháng 10/1995 đến tháng 12/1996, Đoàn Đức A làm Giám đốc Công ty Anh D. Thời gian từ 6/1994 - 10/1995, A dược Phạm Ngọc D giao nhiệm vụ đi nhận hàng, làm thủ tục nhập hàng cho các công ty nhập khẩu ủy thác cho Công ty Anh D; tham gia cắt, phá kẹp chì (seal) container để tráo hàng nhập lậu nhằm đối phó với việc kiểm hóa của cơ quan Hải quan. Từ tháng 10/1995 đến 12/1996, Đoàn Đức A ký các Hợp đồng kinh tế với vai trò Giám đốc Công ty Anh D, ngoài ra Đoàn Đức A còn giúp Phạm Ngọc D đưa tiền "bồi dưỡng" cho cán bộ Hải quan làm nhiệm vụ kiểm hóa hàng cho các Công ty của Phạm Ngọc D. Với những hành vi nêu trên, ngày 20/5/1998, Đoàn Đức A đã bị Cơ quan ANĐT Bộ Công an khởi tố về tội "Buôn lậu" và tội "Đưa hối lộ". Do Đoàn Đức A bỏ trốn trước khi bị khởi tố nên ngày 21/5/1998, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra Quyết định truy nã và ngày 29/12/1999, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đoàn Đức A. Đến ngày 02/11/2021, Đoàn Đức A bị bắt truy nã; trong ngày 02/11/2021, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra Quyết định đình nã đối với Đoàn Đức A; Ngày 09/11/2021, Cơ quan ANĐT Bộ Công an ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Đoàn Đức A. Kết quả điều tra xác định, Đoàn Đức A giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu xe 66 ô tô, giá trị hàng hóa phạm pháp là 5.159.534.940 đồng và đưa hối lộ 60.000.000 đồng cho cán bộ Hải quan Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Hành vi Đoàn Đức A giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu 66 xe ô tô du lịch nhập khẩu dưới dạng xe tải nhẹ, khung gầm có gắn động cơ đã qua sử dụng thông qua Công ty M và Công ty L

1.1. Hành vi Đoàn Đức A giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu 46 xe ô tô du lịch nhập khẩu dưới dạng xe tải nhẹ, khung gầm có gắn động cơ đã qua sử dụng thông qua Công ty M.

Tháng 6/1994, Phạm Ngọc D - Giám đốc Công ty Anh D trực tiếp liên hệ với ông Trần Hồng An - Phó Trưởng Chi nhánh Công ty M tại Thành phố Hồ Chí Minh bàn bạc, thống nhất việc Công ty M ký Hợp đồng nhập hàng ủy thác cho Công ty Anh D để nhập khẩu các mặt hàng như: xe vận tải nhẹ, động cơ ô tô và khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng. Phía Công ty Anh D trả phí nhập khẩu ủy thác cho Công ty M với giá: 15 USD/động cơ xe ô tô; 80 - 120 USD/xe ô tô tải nhẹ (tùy theo thời điểm nhập hàng); 25 - 40 USD/bộ khung gầm xe ô tô (tùy từng loại), ông Trần Hồng An đã báo cáo và được ông Đinh Phước Đáo, Giám đốc Công ty M đồng ý.

Từ ngày 20/6/1994 đến ngày 20/6/1995, ông Đinh Phước Đáo - Giám đốc Công ty M đã ký 41 Hợp đồng nhập khẩu ủy thác với Phạm Ngọc D để nhập khẩu: 211 xe ô tô chuyên dùng các loại; 39 xe ô tô tải nhẹ; 25 bộ khung gầm xe bus 24 chỗ ngồi có gắn động cơ; 11 bộ khung gầm xe ô tô tải; 662 động cơ xe ô tô các loại. Phạm Ngọc D đã trả phí nhập khẩu ủy thác cho Công ty M 37.768.50USD (qui đổi theo tỷ giá tiền đồng Việt Nam từng thời điểm là 416.040.000 đồng). Tất cả các lô hàng khi về đến các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đinh Phước Đáo ký mở tờ khai, đơn xin chuyển tiếp hàng về tỉnh Phú Yên để kiểm hóa. Ông Phan Hữu Sơn và ông Trần Hồng An ký giấy giới thiệu cho Đoàn Đức A với tư cách là nhân viên Công ty M đi nhận hàng cùng nhân viên Cục Hải quan Bình Định (Nguyễn Đông O, Mai Văn P, Phan Văn Q, Võ Tiến R, Cai Thành S). Hàng nhập được đóng trong các container loại 20 feet và loại 40 feet, chuyển về các Cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh và được kéo về kho của Công ty Anh D thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đưa cán bộ Hải quan Bình Định đến kiểm hóa, Đoàn Đức A cùng một số nhân viên Công ty Anh D đã phá kẹp chì (seal) đưa xe ô tô du lịch ra và thay bằng khung gầm ô tô bus đã qua sử dụng, xe tải nhẹ, động cơ ô tô đã qua sử dụng... theo đúng tờ khai hải quan. *Khi cán bộ Hải quan Bình Định đến kiểm hóa, một số lần Đoàn Đức A đọc số khung, số máy để cán bộ Hải quan ghi vào kết quả kiểm hóa phục vụ việc hợp thức hóa hồ sơ đăng ký lưu hành xe ô tô.*

Trong hồ sơ nhập khẩu ủy thác của Công ty M nhập cho Công ty Anh D gồm: 25 bộ khung gầm xe ô tô bus 24 chỗ ngồi và 39 xe tải nhẹ. Cơ quan ANĐT Bộ Công an đã thu giữ được 46 bộ hồ sơ xe ô tô du lịch (gồm: 11 hồ sơ xe ô tô du lịch loại 4 chỗ ngồi nhập lậu dưới dạng khung gầm có gắn động cơ đã qua sử dụng và 35 hồ sơ xe ô tô du lịch từ 7 đến 15 chỗ ngồi) nhập lậu dưới dạng xe vận tải nhẹ được đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an 11 tỉnh, thành phố: (1) Thành phố Hồ Chí Minh (19 xe); (2) Bình Thuận (16 xe); (3) Đồng Nai (03 xe); (4) Bình Phước (01 xe); (5) Kiên Giang (01 xe); (6) Bạc Liêu (01 xe); Hà Tây (01 xe); (8) Thanh Hóa (01 xe); (9) Đắk Lắk (01 xe); (10) Bà Rịa - Vũng Tàu (01 xe); (11) Nghệ An (01 xe).

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định: 46 xe ô tô nêu trên là xe nguyên chiếc do Phạm Ngọc D mua ở nước ngoài, tháo rời một số bộ phận, khi về đến Việt Nam được lắp ráp lại để bán cho khách hàng, nên xác định là hàng đã qua sử dụng đế làm căn cứ tính trị giá hàng phạm pháp.

Theo các tờ khai hải quan giá trị 46 xe ô tô là 5.135.507.800 đồng.

Căn cứ Quyết định số 624/TC/TCT/QĐ ngày 26/7/1994 của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tối thiểu một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế và Quyết định 1187 TC/QĐ/TCT ngày 21/11/1995 của Bộ Tài chính quy định bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu để tính thuế nhập khẩu, quy định tại Điều 5: "Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu đã qua sử dụng được phép nhập khẩu bằng 70% giá trị hàng mới cùng chủng loại"; Công văn số 3226/TCHQ-KTTT ngày 22/12/1995 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn giá tính thuế hàng đã qua sử dụng nhập khẩu để tính giá trị thấp nhất đối với loại xe ôtô, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định trị giá hàng phạm pháp của 46 xe ô tô du lịch nhập lậu các loại nêu trên (tính theo hàng đã qua sử dụng) là: 5.135.507.800 đồng X 70%= 3.594.855.460 đồng.

1.2. Hành vi Đoàn Đức A giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu 20 xe ô tô du lịch dưới dạng xe tải nhẹ, khung gầm có gắn động cơ đã qua sử dụng thông qua Công ty L.

Tháng 3/1995, Phạm Ngọc D, Giám đốc Công ty Anh D liên hệ và gặp gỡ với ông Lê Thanh, Trưởng Chi nhánh Công ty L tại Thành phố Hồ Chí Minh bàn bạc việc nhập hàng ủy thác cho Công ty Anh D, theo đó Công ty L ký Hợp đồng nhập khẩu ủy thác cho Công ty Anh D để hưởng phí ủy thác gồm các mặt hàng: (1) xe tải nhẹ đã qua sử dụng, (2) xe ô tô chuyên dùng, (3) khung gầm xe ô tô bus 24 chỗ ngồi, 26 chỗ ngồi có gắn động cơ, (4) khung gầm xe ô tô. Phía Công ty Anh D của Phạm Ngọc D sẽ trả phí nhập khẩu cho Công ty L với giá: 100-150 USD/bộ khung gầm xe bus có gắn động cơ; 100-200 USD/xe tải nhẹ; 30-40 USD/động cơ xe ô tô, 40-50 USD/bộ khung gầm xe ô tô đã qua sử dụng. Ông Lê Thanh đã báo cáo việc này và được ông Võ Tân - Giám đốc Công ty L đồng ý.

Từ 24/7/1995 đến ngày 04/01/1996, ông Lê Thanh - Trưởng Chi nhánh Công ty L được ông Võ Tân - Giám đốc Công ty L ủy quyền ký 39 Hợp đồng nhập khẩu ủy thác với Công ty Anh D, gồm các mặt hàng: 52 xe ô tô chuyên dùng; 24 xe tải nhẹ; 20 bộ khung gầm xe bus 24-26 chỗ ngồi; 8 bộ khung gầm xe ô tô; 170 động cơ xe ô tô đã qua sử dụng. Tất cả các lô hàng khi về đến các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Tân ký mở tờ khai, đơn xin chuyển tiếp hàng, ông Lê Thanh ký Giấy giới thiệu cho Đoàn Đức A với tư cách là nhân viên Công ty L cùng nhân viên kiểm hóa Cục Hải quan Bình Định (Nguyễn Đông O, Mai Văn P, Phan Văn Hiêu, Võ Tiên Phước, Cai Thành S) tiếp nhận đưa hàng nhập khẩu về các kho của Công ty Anh D tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng nhập được đóng trong các container loại 20 feet và loại 40 feet được chuyển về các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh và được kéo về kho của Công ty Anh D thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đưa cán bộ Hải quan Bình Định đến kiểm hóa, một số lần

Đoàn Đức A cùng một số nhân viên Công ty Anh D đã phá kẹp chì (seal) đưa xe ô tô du lịch ra và thay bằng khung gầm xe ô tô bus đã qua sử dụng, dàn giáo... theo đúng tờ khai hải quan. Khi cán bộ Hải quan tỉnh Bình Định đến kiểm hóa, một số lần Đoàn Đức A đọc số khung, số máy để cán bộ Hải quan ghi vào kết quả kiểm hóa phục vụ việc hợp thức hóa hô sơ đăng ký lưu hành xe ô tô.

Trong hồ sơ nhập khẩu của Công ty L nhập về bán cho Công ty Anh D gồm: 20 bộ khung gầm xe bus 24 chỗ ngồi, 24 xe tải nhẹ. Cơ quan ANĐT Bộ Công an thu được 20 hồ sơ xe ô tô du lịch, gồm: 16 hồ sơ xe ô tô du lịch 4 chồ ngồi nhập lậu dưới dạng khung gầm xe bus 24 chỗ ngồi có găn động cơ đã qua sử dụng và 04 hồ sơ xe ô tô du lịch 7 đến 15 chỗ ngồi nhập lậu dưới dạng xe tải nhẹ được đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an các tỉnh, thành phố: (l) Thành phố Hồ Chí Minh (06 xe), (2) Thanh Hóa (07 xe), (3) Bình Thuận (04 xe), (4) Tây Ninh (01 xe), (5) Đồng Tháp (01 xe), (6) Cần Thơ (01 xe).

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định: 20 xe ô tô nêu trên là xe nguyên chiếc do Phạm Ngọc D mua ở nước ngoài, tháo rời một số bộ phận, khi về đến Việt Nam được lắp ráp lại để bán cho khách hàng, nên xác định là hàng đã qua sử dụng để làm căn cứ tính trị giá hàng phạm pháp._Theo các tờ khai hải quan giá trị 20 xe ô tô là **2.235.256.400 đồng.**

Căn cứ Quyết định số 624/TC/TCT/QĐ ngày 26/7/1994 của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tối thiểu một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế và Quyết định 1187 TC/QĐ/TCT ngày 21/11/1995 của Bộ Tài chính; Công văn số 3226/TCHQ-KTTT ngày 22/12/1995 của Tổng cục Hải quan về việc giá tính thuế hàng đã qua sử dụng nhập khẩu để tính giá trị thấp nhất đối với loại xe ôtô, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định trị giá hàng nhập lậu (tính theo trị giá hàng nhập khẩu đã qua sử dụng) đối với 20 xe ô tô các loại là: **2.235.256.400 đồng x 70% = 1.564.679.940 đồng.**

* Như vậy, thông qua 02 Công ty M và Công ty L, Đoàn Đức A đã giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu 66 xe ô tô du lịch (Công ty M 46 xe, Công ty L 20 xe) với trị giá hàng phạm pháp là: **5.159.534.940 đồng** (năm tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi đồng).

2. Hành vi Đoàn Đức A giúp sức cho Phạm Ngọc D đưa hối lộ cho cán bộ Hải quan Cần Thơ:

Từ ngày 01/01/1996 đến ngày 20/9/1997, ông Phan Văn Đường - Phó Giám đốc Công ty Cataco đã ký nhiều Hợp đồng kinh tế với Công ty Anh D do Đoàn Đức A làm Giám đốc và Công ty Anh D 2 do Nguyễn F làm Giám đốc, trong đó có 15 Hợp đồng nhập khẩu hàng cho Công ty Anh D 2 nhập khẩu 71 bộ khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng. Cơ quan ANĐT Bộ Công an thu được 69 bộ hồ sơ xe du lịch nhập lậu dưới dạng khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng được đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an các tỉnh, thành phố: (l)Thành phố Hồ Chí Minh 48 xe, (2) Bình Thuận 11 xe, (3) Đồng Tháp 03 xe, (4) Hải Phòng 02 xe, (5) Nam Định 02 xe, (6) Ninh Bình 01 xe, (7) Nghệ An 01 xe, (8) Bà Rịa - Vũng Tàu 01 xe. Tuy nhiên, đối với các hợp đồng kinh tế do Đoàn Đức A -

Giám đốc Công ty Anh D ký với ông Phan Văn Đường - Phó Giám đốc Công ty Cataco không có bộ hồ sơ xe du lịch nào được nhập lậu dưới dạng khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng.

Để hàng nhập khẩu chuyển tiếp qua Công ty Cataco được kiểm hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải kéo hàng về kiểm hóa tại Cần Thơ, Phạm Ngọc D đặt vấn đề "bồi dưỡng" cho cán bộ Hải quan Cần Thơ với số tiền 5.000.000 đồng/container 20 feet và 10.000.000 đồng/container 40 feet. Khi kết thúc đợt (tuần) kiểm hóa, căn cứ vào số container hàng nhập để tính và đưa "bồi dưỡng" cho cán bộ kiểm hóa. Ban lãnh đạo Cục Hải quan Cần Thơ đồng ý và yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu phải làm văn bản đề nghị Cục Hải quan Cần Thơ duyệt cho kiểm hóa hàng nhập khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Ngọc D khai nhận: Việc đưa tiền "bồi dưỡng" cho cán bộ Hải quan Cần Thơ do Phạm Ngọc D trực tiếp thực hiện, mỗi tuần D đưa từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (tùy theo số lượng container hàng về nhiều hay ít). Tuy nhiên, thời điểm tháng 10/1996 có vài lần do Phạm Ngọc D bận việc nên chỉ đạo nhân viên Công ty Anh D, trong đó có Đoàn Đức A đã 02 lần cầm tiền trong bì thư dán kín (loại bì thư của Bưu điện) đưa cho cán bộ Hải quan Cần Thơ tại Khách sạn Mỹ Tiên, trên đường Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị can Đoàn Đức A khai nhận: Khoảng tháng 10/1996, do Phạm Ngọc D bận việc nên 02 lần yêu cầu A mang bì thư tiền đưa cho cán bộ Hải quan cần Thơ tại Khách sạn Mỹ Tiên, trên đường Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để "bồi dưỡng" cho cán bộ Hải quan Cần Thơ trong việc kiểm hóa hàng nhập khẩu qua Công ty Cataco tại Thành phố Hồ Chí Minh; tiền trong bì thư của Bưu điện dán kín nên A không biết trong bì thư có bao nhiêu tiền. Do thời gian đã lâu nên A không nhớ đã đưa cho người nào trong số cán bộ Hải quan Cần Thơ đi kiểm hóa.

Các đối tượng nguyên là cán bộ Hải quan Cần Thơ, gồm: Lê Văn Cầu, Trần Văn Đầy, Nguyễn Việt Khải, Diệp Minh Tâm vẫn giữ nguyên lời khai trước đây với Cơ quan ANĐT Bộ Công an trong vụ án "Phạm Ngọc D và đồng bọn...", khai nhận: Năm 1996 - 1997, thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Cục Hải quan Cần Thơ đến Thành phố Hồ Chí Minh kiểm hóa hàng chuyển tiếp theo từng tuần, mỗi đợt gồm 02 người; 04 đối tượng này thừa nhận trực tiếp nhận tiền "bồi dưỡng" của Công ty Anh D từ người tên A, đại diện chủ hàng tại Khách sạn Mỹ Tiên, đường Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ lời khai của bị can Đoàn Đức A, Phạm Ngọc D, lời khai và các bản thống kê của các cá nhân nguyên là cán bộ Hải quan Cần Thơ, gồm: Nguyễn Việt Khải, Lê Văn Cầu, Trần Văn Đầy, Diệp Minh Tâm, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định: Trong thời gian tháng 10/1996, thực hiện chỉ đạo của Phạm Ngọc D, Đoàn Đức A đã 02 lần đưa tiền hối lộ cho các cán bộ Hải quan Cần Thơ, mỗi lần 30.000.000 đồng. Như vậy, Đoàn Đức A đã giúp sức cho Phạm Ngọc D "đưa hối lộ" cho cán bộ Hải quan cần Thơ với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

* Vật chứng vụ án

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (CMND) số: 215372103, tên Trần Quang Vũ, sinh ngày 30/6/1965; cấp ngày 04/6/2016; nơi cấp Công an tỉnh Bình Định có ảnh của Đoàn Đức A; 01 (một) Giấy phép lái xe (GPLX) hạng AI số: 790180067822, tên Trần Quang Vũ, sinh ngày 30/6/1965, cấp ngày 07/11/2017, nơi cấp: Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh có ảnh của Đoàn Đức A, là các giấy tờ giả, được Cơ quan ANĐT Bộ Công an chuyển cùng theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu trắng, số Imei: 359218075666391, có 01 sim card kèm theo, đã qua sử dụng; do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can nên Cơ quan ANĐT Bộ Công an đã trả lại cho bị can Đoàn Đức A.

* Đối với những hành vi khác liên quan trong vụ án.

- Hành vi có dấu hiệu của tội "Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Kết quả điều tra xác định, cuối năm 2017, do Giấy CMND cũ của Đoàn Đức A bị hỏng, A lên mạng internet tìm kiếm thông tin để đặt làm Giấy CMND và GPLX với giá 1.000.000 đồng/cái, việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng đến nay A không nhớ số tài khoản và ngân hàng của người làm giả). Đoàn Đức A chụp ảnh chân dung của mình và chuyển ảnh qua ứng dụng Zalo cho người nhận làm (không nhớ tên, số điện thoại) và yêu cầu lấy năm sinh là 1965, còn lại những thông tin khác tùy người làm chọn. Khoảng 10 ngày sau, A nhận được Giấy CMND số 215372103, mang tên Trần Quang Vũ có ảnh của A, do Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 04/6/2016 và GPLX số 790180067822 mang tên Trần Quang Vũ có ảnh của Đoàn Đức A do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2017 qua đường bưu điện tại thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Sau khi nhận được Giấy CMND và GPLX giả trên, A không còn liên hệ gì với người làm giả này. Từ khi nhận được Giấy CMND và GPLX giả cho đến khi bị bắt (ngày 02/11/2021), A chỉ cất ở trong ví, chưa sử dụng vào việc gì.

Kết quả trưng cầu giám định của Cơ quan ANĐT khẳng định: "Giấy CMND số 215372103, tên Trần Quang Vũ, đề ngày 04/6/2016 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu; Giấy phép lái xe số 790180067822, tên Trần Quang Vũ, đề ngày 07/11/2017 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, chuyển nhiệt màu". Phòng Cảnh sát quản lý hành chính vê trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Định xác định: Giấy CMND số 215372103 được Công an tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 12/6/2010 cho công dân Trần Quang Vũ, sinh ngày 30/6/1995; nguyên quán: xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: thôn Phú Kim, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định và đã được cấp lại ngày 04/6/2016. Ông Trần Quang Vũ khai không có quen biết gì với Đoàn Đức A và không biết lý do tại sao A có thông tin Giấy CMND của Vũ. Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: Không cấp 01 GPLX 790180067822 cấp cho công dân Trần Quang Vũ, sinh ngày 30/6/1965. Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước, Cục Cảnh sát giao thông Bộ Công an, Tổng Công ty Hạ tầng mạng

(VNPT-NET), Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (Mobiphone), Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty cổ phần Viễn thông di động (Vietnammobile) cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng Giấy CMND và GPLX nêu trên, nhưng các cơ quan, tổ chức này trả lời không có thông gì liên quan đến việc Đoàn Đức A sử dụng Giấy CMND và GPLX giả mang tên Trần Quang Vũ, sinh 30/6/1965.

Do không có thông tin về người làm giả Giấy CMND và GPLX nên Cơ quan ANĐT Bộ Công an không đủ thông tin, cơ sở dữ liệu để xác định đối tượng làm giả Giấy CMND và GPLX cho Đoàn Đức A; Mặt khác, Đoàn Đức A chưa sử dụng Giấy CMND và GPLX được làm giả. Vì vậy, không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với Đoàn Đức A về tội "Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Hành vi có dấu hiệu của tội "Che giấu tội phạm" và "Không tố giác tội phạm" của những cá nhân có liên quan trong thời gian Đoàn Đức A trốn truy nã. Kết quả điều tra xác định, trong thời gian trốn truy nã từ tháng 5/1998 đến khi bị bắt (tháng 11-2021), Đoàn Đức A đã trốn truy nã ở nhiều nơi, cụ thể như sau: (1) Từ tháng 5/1998 đến đầu năm 2003, Đoàn Đức A làm ở tiệm uốn tóc Sơn trên đường Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (gần Chợ Bến Thành) do ông Nguyễn Hoàng Sơn làm chủ; ban ngày Đoàn Đức A làm việc ở tiệm làm tóc, tối về ngủ cùng chủ tiệm ở tại khu Thanh Đa, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Từ 2003 đến giữa năm 2009, Đoàn Đức A làm nghề mua bán xe máy cũ tại khu vực đường Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và sinh sống tại khu vực quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống với người phụ nữ Trần Mỹ Ngọc, không ở nhà trọ cố định; (3) Từ năm 2010 đến tháng 4/2014, Đoàn Đức A cùng Trần Mỹ Ngọc đến Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bán quán cà phê; (4) Từ tháng 5/2014 đến cuối năm 2018, Đoàn Đức A đến thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum làm thuê cho Đặng Đình Đông, Nguyễn Thành Chương; (3) Từ cuối năm 2018 đến tháng 11/2021: Đoàn Đức A về sống với vợ, con tại tổ 6, khu phố 2, Phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Tại những địa điểm nêu trên, qua điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định: Những người liên quan đều không biết Đoàn Đức A đang trốn truy nã và không có hành vi che giấu Đoàn Đức A trốn truy nã; do đó, không có căn cứ để xử lý những người liên quan về hành vi "Che dấu tội phạm" hay "Không tố giác tội phạm".

Bản Cáo trạng số 1818/CT-VKSTC-V1, ngày 18/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Đoàn Đức A về tội "Buôn lậu' theo điểm a khoản 4 Điều 188 và tội "Đưa hối lộ" theo điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Đức A khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả, cụ thể: Bị cáo giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu trót lọt 66 chiếc xe ô tô bằng hành vi cắt phá seal container, tráo hàng và giá trị hàng hóa phạm pháp là 5.159.534.940 đồng; bị cáo có hành vi đưa hối lộ cho nhân viên Hải quan Cần Thơ 60.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo A về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 và tội "Đưa hối lộ" theo điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đoàn Đức A có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Mỗi tội bị cáo đều thực hiện 2 lần, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 2 lần trở lên" theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không có động cơ tư lợi, hậu quả của vụ án đã được Phạm Ngọc D khắc phục xong, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xử phạt bị cáo Đoàn Đức A từ 4 năm đến 5 năm tù, về tội "Buôn lậu" và từ 6 tháng đến 01 năm tù về tội "Đưa hối lộ".

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Đức A thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo và thống nhất những tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có điều kiện đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Đoàn Đức A thống nhất toàn bộ luận cứ bào chữa của Luật sư. Bị cáo không trình bày lời bào chữa bổ sung và không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 4/1994 đến tháng 11/1996, thông qua 04 doanh nghiệp Nhà nước, gồm: Công ty Vật tư Tổng Hợp tỉnh Phú Yên (gọi tắt là Công ty M); Công ty Sản xuất nông thủy sản, xuất nhập khẩu Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (gọi tắt là Công ty L); Công ty Xuất nhập khẩu Côn Sơn, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (gọi tắt là Công ty Cosimex) và Công ty Nông súc sản xuất nhập khẩu Cần Thơ (gọi tắt là Công ty Cataco), Phạm Ngọc D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Thương mại Anh D đã nhập 161 xe ô tô du lịch từ 04 đến 15 chỗ ngồi, nhưng khai báo hải quan là xe tải nhẹ, khung gầm xe bus 24 chỗ ngồi, khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng. Khi các chuyến hàng về cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Ngọc D chỉ đạo cho cấp dưới của mình là Lê Văn Thiệt, Nguyễn Trọng Dũng, Đoàn Đức Thắng, Văn Tấn Tùng, Vương Tấn D… cắt kẹp chì (Seal) các container, tráo hàng trước khi Hải quan kiểm hóa. Sau đó, Phạm Ngọc D mua hồ sơ lắp ráp của 03 doanh nghiệp ở trong nước có chức năng lắp ráp xe ô tô, gồm: Nhà máy ô tô 1/5 Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Việt A, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp tác xã sửa chữa xe hơi 23/9, Thành phố Hồ Chí Minh để hợp thức hồ sơ đăng ký lưu hành, để bán cho người sử dụng. Căn cứ Quyết định số 624/TC/TCT/QĐ ngày 26/7/1994 của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tối thiểu một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế và Quyết định 1187 TC/QĐ/TCT ngày 21/11/1995 của Bộ Tài chính và Công văn số 3226/TCHQ-KTTT ngày 22/12/1995 của Tổng cục Hải quan về việc giá tính thuế hàng đã qua sử dụng nhập khẩu để tính giá trị thấp nhất đối với loại xe ô-tô thì trị giá hàng nhập lậu (tính theo trị giá hàng nhập khẩu đã qua sử dụng) đối với 161 xe ô tô các loại là 14.391.570.375 (Mười bốn tỷ, ba trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, ba trăm bảy mươi lăm) đồng.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Đoàn Đức A và chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có căn cứ xác định: Bị cáo Đoàn Đức A đã có hành vi giúp sức cho Phạm Ngọc D buôn lậu trót lọt 66/161 chiếc xe ô tô du lịch. Hành vi của bị cáo cụ thể như sau: Khi các chuyến hàng của Công ty M và Công ty L về đến các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo đến chi nhánh của hai Công ty này tại Thành phố Hồ Chí Minh lấy hồ sơ nhập khẩu, lấy giấy giới thiệu để đến Cục Hải quan Bình Định mở tờ khai nhập khẩu chuyển tiếp hàng hóa và đưa nhân viên Cục Hải quan Bình Định (Nguyễn Đông O, Mai Văn P, Phan Văn Q, Võ Tiến R, Cai Thành S) về Thành phố Hồ chí Minh làm thủ tục nhận hàng. Sau khi làm xong thủ tục nhận hàng, nhân viên Hải quan Bình Định cho Công ty M và Công ty L tự đưa hàng nhập khẩu về các kho của hai Công ty này để kiểm hóa. Nhưng theo sự chỉ đạo ông Phạm Ngọc D lái xe đưa hàng về kho Z756 của Công ty Anh D tại Thành phố Hồ Chí Minh để tráo hàng, đưa xe ô tô mà Công ty M và Công ty L nhập ủy thác ra và thay bằng khung gầm ô tô bus đã qua sử dụng, xe tải nhẹ, động cơ ô tô đã qua sử dụng, theo đúng tờ khai hải quan. Bị cáo có vài lần cắt phá kẹp chì (seal), dùng keo dán seal niêm phong container và đọc số khung, số máy để cán bộ Hải quan ghi vào kết quả kiểm hóa, phục vụ việc hợp thức hóa hồ sơ đăng ký lưu hành 66 xe ô tô cho Phạm Ngọc D.

Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đoàn Đức Thắng là người có khả năng nhận thức được hành vi cắt phá kẹp chì các container, lấy hàng trong container ra thay bằng hàng hóa khác để cho Phạm Ngọc D thực hiện trót lọt hành vi buôn lậu. Căn cứ Quyết định số 624/TC/TCT/QĐ ngày 26/7/1994 của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tối thiểu một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế và Quyết định 1187 TC/QĐ/TCT ngày 21/11/1995 của Bộ Tài chính; Công văn số 3226/TCHQ-KTTT ngày 22/12/1995 của Tổng cục Hải quan về việc giá tính thuế hàng đã qua sử dụng nhập khẩu để tính giá trị thấp nhất đối với loại xe ô-tô thì trị giá hàng nhập lậu, đối với 66 xe ô tô các loại trên là 5.159.534.940 (Năm tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi) đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn lậu", tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Căn cứ các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có căn cứ xác định: Từ ngày 01/01/1996 đến ngày 20/9/1997, ông Phan Văn Đường - Phó Giám đốc Công ty Nông sức sản xuất nhập khẩu Cần Thơ (Công ty Cataco) đã ký nhiều Hợp đồng kinh tế với Công ty Anh D 2, do Nguyễn F làm Giám đốc, trong đó có 15 Hợp đồng nhập khẩu hàng cho Công ty Anh D 2 nhập khẩu 71 bộ khung gầm ô tô có gắn động cơ đã qua sử dụng. Để hàng nhập khẩu chuyển tiếp qua Công ty Cataco được kiểm hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải kéo hàng về kiểm hóa tại Cần Thơ, Phạm Ngọc D đặt vấn đề "Bồi dưỡng" cho cán bộ Hải quan Cần Thơ, với số tiền 5.000.000 đồng/container 20 feet và 10.000.000 đồng/container 40 feet. Tổng cộng số tiền mà Phạm Ngọc D đã hối lộ cho nhân viên Hải quan Cần Thơ là 5.393.000.000 đồng.

[5] Căn cứ lời khai của bị cáo Đoàn Đức Thắng và các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có căn cứ xác định: Khoảng tháng 10/1996, theo sự chỉ đạo của Phạm Ngọc D, bị cáo Đoàn Đức A đã đến khách sạn Mỹ Tiên, đường Nguyễn Tri Phương, Quận 5, đưa tiền cho các cán bộ Hải quan Cần Thơ, để họ thực hiện các quyền của mình, làm một việc có lợi cho ông Phạm Ngọc D. Cụ thể là để hàng nhập khẩu chuyển tiếp qua Công ty Cataco được kiểm hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải kéo hàng về kiểm hóa tại Cần Thơ. Số tiền mà bị cáo đưa cho nhân viên Hải quan Cần thơ tổng cộng là 60.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đưa hối lộ", tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiện hình sự:

Quá trình phạm tội, bị cáo đã 2 lần cùng với nhân viên Công ty Anh D cắt phá kẹp chì (Seal) container và tráo hàng; đã hai lần đưa hối lộ cho nhân viên Hải quan nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 2 lần trở lên" theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

mặt khác trong vụ án này bị cáo chỉ là người giúp sức cho Phạm Ngọc D, do Phạm Ngọc D điều hành, sai khiến; bị cáo không được hưởng lợi từ Phạm Ngọc D hoặc từ đối tác của Phạm Ngọc D mang lại và từ khi bị cáo bỏ trốn cho đến ngày bị bắt thì bị cáo lương thiện làm ăn, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm phạm đến hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước về xuất nhập khẩu, gây thiệt hại đến nguồn thu của nhà nước, mà còn làm tha hóa đến đạo đức công vụ của công chức Nhà nước. Với tính chất của vụ án như vậy, đáng lẽ phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực này, nhưng xét thấy bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ như nhận định tại phần [6]. Do đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm, tạo điều kiện cho bị cáo tích cực học tập, cải tạo, để sớm trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với tội "Buôn lậu" thì bị cáo và Nguyễn Trọng Dũng có cùng vai trò, là người giúp sức cho Phạm Ngọc D; mức độ phạm tội của bị cáo và Nguyễn Trọng Dũng như nhau và cùng có những tình tiết giảm nhẹ. Do đó, mức án áp dụng cho bị cáo phải tương đương với mức án mà tại bản án số 2654/HSST ngày 20/10/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng cho Nguyễn Trọng Dũng để đảm bảo tính công bằng. Đối với tội "Đưa hối lộ" thì số tiền mà bị cáo đưa hối lộ cho nhân viên hải quan Cần Thơ là 60.000.000 đồng, nhỏ hơn rất nhiều so với số tiền mà Nguyễn Trọng Dũng và Lê Thị Hoa đưa hối lộ, cụ thể Hoa đưa 323.000.000 đồng, Dũng đưa 6.500USD. Do đó, mức án áp dụng cho bị cáo phải thấp hơn mức án mà tại bản án số 2654/HSST ngày 20/10/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng cho Nguyễn Trọng Dũng và Lê Thị Hoa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm a khoản 1 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Đoàn Đức A** 3 (Ba) năm tù về tội "Buôn lậu" và 01 (Một) năm tù về tội "Đưa hối lộ". Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 4 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 02/11/2021).

Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/7/2022).

Nơi nhận:
- TAND TC (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKS ND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA Tp. HCM; (1)
- Phòng PC02 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (25) (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hậu